

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÙ MỸ
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 115/2017/DS- ST
Ngày 14-11-2017.
V/v "*tranh chấp hợp đồng vay tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ MỸ, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Thành

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Tùng
2. Ông Lê Tiến Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ái Phương là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Lê Thanh Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 11 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 152/2017/TLST-DS ngày 02 tháng 11 năm 2017, về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:168/2017/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 11 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Bùi Thị A, sinh năm 1931

Địa chỉ nơi cư trú: Thôn VT, xã MP, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định, có mặt.

2. Bị đơn: Ông Bùi Văn E, sinh năm 1969 (Tên gọi khác: Bùi Văn H) và bà Đỗ Thị T, sinh năm 1967

Địa chỉ nơi cư trú: Thôn VTT, xã MP, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 16/10/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Bùi Thị A trình bày:

Vào khoảng tháng 5 năm 1012, bà An cho vợ chồng ông Bùi Văn E và bà Đỗ Thị T mượn 20.000.000 đồng và 04 chỉ vàng 24K. Khi mượn, có viết giấy nợ và không cam kết tính lãi. Từ đó đến năm 2007, vợ chồng ông E, bà T trả cho bà A 01 chỉ vàng 24K. Ngày 28/5/2017, vợ ông E là bà T viết lại giấy nợ xác định vợ chồng ông E, bà T còn nợ của bà A 23.000.000 đồng (gồm, tiền gốc: 20.000.000 đồng; tiền lãi: 3.000.000 đồng) và 03 chỉ vàng 24K, cam kết từ ngày 28/4/2017 đến ngày 28/8/2017 trả hết nợ cho bà A. Nhưng đến nay, vợ chồng ông E, bà T chưa trả nợ cho bà A. Vì vậy, bà A yêu cầu vợ chồng ông E, bà T trả cho bà 23.000.000 đồng và 03 chỉ vàng 24K. Bà A yêu cầu tính lãi đối với số tiền 23.000.000 đồng từ ngày 29/8/2017 đến khi xét xử sơ thẩm theo quy định của pháp luật và không yêu cầu tính lãi đối với khoản vàng. Chứng cứ bà A cung cấp là 01 bản chính giấy mượn tiền đề ngày 28 tháng 5 năm 2017 với số tiền mượn là 23.000.000 đồng và 03 chỉ vàng 24K do bà Đỗ Thị T viết và ký tên. Ngoài ra, trong giấy nợ, bà T còn ghi tên của ông Bùi Văn H.

Tại phiên tòa, bà A yêu cầu vợ chồng ông E, bà T trả dứt điểm cho bà 03 chỉ vàng 24K và yêu cầu bà T trả cho 23.000.000 đồng. Bà A không yêu cầu tính lãi.

Tại bản khai ngày 02/11/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là vợ chồng ông Bùi Văn E và bà Đỗ Thị T trình bày:

Khoảng năm 2007, vợ chồng ông E, bà T mượn của bà A 06 chỉ vàng 24K để phát triển kinh tế gia đình. Từ đó cho đến năm 2017, vợ chồng ông E, bà T trả cho bà A 03 chỉ vàng gốc và khoản tiền lãi nhưng không yêu cầu bà A viết giấy về việc trả nợ để làm bằng chứng. Hiện nay, vợ chồng ông E, bà T xác định còn nợ của bà A 03 chỉ vàng 24K. Tuy nhiên, ngày 28/5/2017, bà A gọi bà T đến nhà của bà, yêu cầu bà T viết lại giấy nợ, xác nhận vợ chồng bà T còn nợ của bà A 23.000.000 đồng và 03 chỉ vàng 24K. Bà A nói rằng, số tiền 23.000.000 đồng là tiền lãi được tính từ 03 chỉ vàng gốc và bảo bà T viết như vậy, sau đó bà sẽ cho tiền lãi. Nhưng không ngờ bà A cầm giấy nợ này kiện ra tòa. Ông E, bà T xác định là không có chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày của mình nhưng cũng phải nói để bà A biết về việc làm của bà. Nay vợ chồng ông E, bà T chấp nhận trả cho bà A 03 chỉ vàng 24K và chịu tính lãi theo quy định của pháp luật. Trường hợp, Tòa án buộc vợ chồng ông E phải trả cho bà A 23.000.000 đồng và 03 chỉ vàng 24K theo giấy nợ mà bà T viết ngày 28 tháng 5 năm 2017 thì vợ chồng ông E, bà T cũng phải chịu chứ không có ý kiến gì thêm.

Tại phiên tòa, ông E cho rằng, giấy mượn tiền ngày 28/5/2017 là do bà T viết. Ông E chấp nhận cùng bà T trả cho bà A 03 chỉ vàng 24K. Tuy nhiên, do kinh tế gia đình khó khăn nên ông xin trả dần. Còn số tiền 23.000.000 đồng bà Tiếp ghi trong giấy nợ, ông E không biết, nên ông không chấp nhận cùng bà T trả tiền cho bà A.

Bà T thừa nhận giấy mượn tiền ngày 28/5/2017 là do bà viết. Chữ viết Bùi Văn H ghi dưới giấy nợ là do bà tự viết. Nay, bà chấp nhận yêu cầu của bà A là cùng ông E trả cho bà An 03 chỉ vàng 24K và một mình bà chịu trả cho bà A 23.000.000 đồng, nhưng do điều kiện khó khăn nên bà xin được trả dần nợ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án là đúng quy định của pháp luật; việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đối với nguyên đơn; bị đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Quan điểm của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu của bà Bùi Thị A. Buộc vợ chồng ông Bùi Văn E và bà Đỗ Thị T trả cho bà Bùi Thị A 03 chỉ vàng 24K và buộc bà Đỗ Thị T trả cho bà Bùi Thị A 23.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, bà Bùi Thị A thay đổi nội dung khởi kiện là yêu cầu vợ chồng ông Bùi Văn E và bà Đỗ Thị T trả cho bà Bùi Thị An 03 chỉ vàng 24K và yêu cầu bà Đỗ Thị T trả cho bà Bùi Thị A 23.000.000 đồng. Việc thay đổi nội dung khởi kiện của bà A không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu, nên căn cứ Khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà A.

[2] Về nội dung: Căn cứ giấy ghi nợ ngày 28/5/2017 do bà Đỗ Thị T viết và các trình bày của bà A, vợ chồng ông E, bà T tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xác định: Hiện nay, vợ chồng ông E, bà T nợ của bà A 03 chỉ vàng 24K. Đây là khoản nợ chung của vợ chồng. Còn số tiền: 23.000.000 đồng là số nợ riêng của bà T. Các đương sự đều thống nhất về khoản nợ, nhưng không thỏa thuận được thời gian trả nợ. Bà A yêu cầu vợ chồng ông E, bà T trả dứt điểm nợ, nhưng vợ chồng ông E, bà T xin trả nợ dần. Việc vợ chồng ông E, bà T xin trả nợ dần không được chấp nhận. Bởi vì, ông E, bà T không thực

hiện đúng cam kết trả nợ cho bà A. Do đó, xét yêu cầu của bà A đòi vợ chồng ông E, bà T trả dứt điểm cho bà 03 chỉ vàng 24K và yêu cầu bà T trả dứt điểm cho bà 23.000.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Vợ chồng ông Bùi Văn E và bà Đỗ Thị T là cá nhân hộ nghèo nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ Khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho bà Bùi Thị A

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng Dân sự các Điều 357, 463, 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Buộc Vợ chồng ông Bùi Văn E và bà Đỗ Thị T trả cho bà Bùi Thị A 03 (ba) chỉ vàng 24K.

- Buộc bà Đỗ Thị T trả cho bà Bùi Thị A 23.000.000 (hai mươi ba triệu) đồng.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Vợ chồng ông Bùi Văn E và bà Đỗ Thị T là cá nhân hộ nghèo nên được miễn án phí.

Hoàn trả cho bà Bùi Thị A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 837.500 (tám trăm ba mươi bảy ngàn năm trăm) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 03274 ngày 02 tháng 11 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND H.Phù Mỹ;
- Các bên đương sự;
- THADS H.Phù Mỹ;
- TA tỉnh;
- Lưu VP- HSVA.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Văn Thành